

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2019

Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT B
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - *Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm*

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Kim Thái** và Ông **Phạm Hồng Quyết**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Mai** - *Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Huyền Trang - *Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” thụ lý số 44/2019/TB-TLST ngày 10/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐHST-HNGĐ ngày 19/6/2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A**. Sinh năm 1971. Nơi cư trú: P410, nhà 17T10, khu N, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội. (Chị A có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Thế B**. Sinh năm 1969. CMND số 011507621 do Công an thành phố Hà Nội cấp. HKTT và nơi cư trú cuối cùng: Nhà 7, tập thể S, phố Q, phường CA Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. (Anh B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị A trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Thế B kết hôn tự nguyện, có cưới hỏi, đăng ký kết hôn ngày 25/2/1998 tại Ủy ban nhân dân phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về ở nhờ nhà bố mẹ anh B tại địa chỉ nhà 7, tập thể S, phố Q, phường CA Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội được khoảng một năm. Sau đó, vợ chồng đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị tại địa chỉ P410, nhà 17T10, khu N, phường T, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Cuộc sống chung

đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2005 đến nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, anh B trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2015, chị đã bàn với anh B việc ly hôn nhưng anh B không đồng ý. Từ tháng 7 năm 2016, anh Nguyễn Thế B đã bỏ đi khỏi địa chỉ nơi cư trú cuối cùng là nhà 7, tập thể S, phố Q, phường CA Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội vì nguyên nhân nợ nần do làm ăn thua lỗ. Chị A không liên lạc được với anh B, anh B không liên lạc với chị, chị cũng không có tin tức gì về anh B. Gia đình bố mẹ chồng cũng đã tìm kiếm nhưng không liên lạc được với anh B.

Chị đã làm đơn đến Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đề nghị Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Thế B mất tích. Ngày 27/3/2019, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS tuyên bố anh Nguyễn Thế B mất tích.

Cho đến nay, chị và gia đình vẫn không có tin tức gì về anh B, chị không còn tình cảm với anh B nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị P sinh ngày 06/6/2001. Cháu P ở với chị từ nhỏ, nguyện vọng của chị được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nhà đất ở, khoản nợ chung: chị và anh B không có, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị A tự lo nơi ở sau ly hôn.

**** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn- anh Nguyễn Thế B không đến Tòa án theo các giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.***

***Tại phiên tòa hôm nay:** Chị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nguyện vọng về con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết vì cháu P đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, bị đơn không chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015, nguyên đơn đã thực hiện các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 của Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh Nguyễn Thế B có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại nhà 7, tập thể S, phố Q, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, anh Nguyễn Thế B đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Thế B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/2/1998 tại Ủy ban nhân dân phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01/98. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống đã nhiều năm không còn quan hệ vợ chồng, sự việc đã được chính quyền và gia đình xác nhận. Anh Nguyễn Thế B đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐST-DS ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Theo khoản 2 Điều 68 của Bộ Luật dân sự năm 2015 “*Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị tuyên bố mất tích xin ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình*”;

Theo khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*”;

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A.

Chị A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, con chung của anh chị là cháu P cũng có nguyện vọng được ở với mẹ.

Việc tiếp tục giao con chung của anh chị cho chị A tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến ngày xét xử vụ án con chung của anh chị là Nguyễn Thị P đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không xem xét việc giao con chung cho ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị A trình bày về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung anh chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Nguyễn Thế B. Chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Thế B.

2. Về con chung: anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị P sinh ngày 06/6/2001. Cháu Nguyễn Thị P đã trưởng thành nên không xem xét đến việc giao cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nhà đất ở, công nợ chung: chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí: Chị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số AA/2016/003010 ngày 08/5/2019.

5. Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- UBND phường Chương Dương;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ

